

Số: 5733/UBND-KT

Bình Định, ngày 25 tháng 9 năm 2019

V/v phối hợp rà soát, đánh giá về tình
trạng nuôi, trồng các loài hoang dã
nguy cấp, quý, hiếm.

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Văn bản số 4351/BTNMT-TCMT ngày 04/9/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phối hợp rà soát, đánh giá về tình trạng nuôi, trồng các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

Số lượng các loại hình cơ sở nuôi, trồng các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm cụ thể:

- Cơ sở nuôi, trồng loài nguy cấp, quý, hiếm: 44 cơ sở;
- Cơ sở cứu hộ loài hoang dã: 0 cơ sở;
- Cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền (thuộc hệ thống các viện, trung tâm, tổ chức có hoạt động nghiên cứu lưu giữ, bảo quản, bảo tồn các nguồn gen động vật, nguồn gen thực vật, nguồn gen dược liệu,...): 0 cơ sở;
- Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đa dạng sinh học đã có Quyết định thành lập của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường: 01 cơ sở: Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển vườn thú Faros. (Được thành lập theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh).

(Báo cáo chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./. 

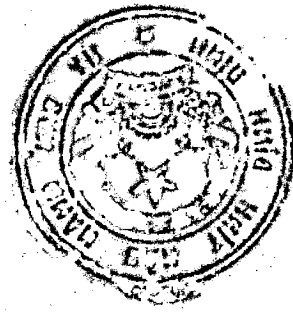
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K13 (13b). 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Trần Châu



RECEIVED
JAN 10 1964
U.S. DEPT. OF JUSTICE

PHỤ LỤC 01. BIỂU MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ CÁC CƠ SỞ: NUÔI, TRỒNG LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ; CỨU HỘ LOÀI HOANG DÃ; LƯU GIỮ, BẢO QUẢN NGUỒN GEN VÀ MẪU VẬT DI TRUYỀN VÀ CƠ SỞ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH



Kèm theo Công văn số: 5733/UBND-KT ngày 25 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng quan hiện trạng quản lý các cơ sở: nuôi, trồng loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; cứu hộ loài hoang dã; lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đa dạng sinh học (đã có Quyết định thành lập của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) trên địa bàn tỉnh

Đề nghị đánh giá chung về các nội dung sau:

1.1. Số lượng các loại hình;

- Cơ sở nuôi, trồng loài nguy cấp, quý, hiếm: 44 cơ sở;
- Cơ sở cứu hộ loài hoang dã: 0 cơ sở;
- Cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền (thuộc hệ thống các viện, trung tâm, tổ chức có hoạt động nghiên cứu lưu giữ, bảo quản, bảo tồn các nguồn gen động vật, nguồn gen thực vật, nguồn gen dược liệu,...): 0 cơ sở;
- Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đa dạng sinh học đã có Quyết định thành lập của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: 01 cơ sở: Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển vườn thú Faros. (Được thành lập theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh).

1.2. Quy mô nuôi, trồng tại các loại hình (Diện tích, cơ sở vật chất, hạ tầng,...): Các cơ sở nuôi trồng loài nguy cấp, quý, hiếm đều là các hộ dân hoạt động nhỏ lẻ, chưa có diện tích cụ thể cũng như cơ sở vật chất rất đơn giản.

1.3. Mục tiêu nuôi, trồng các loài hoang dã (phục vụ bảo tồn, du lịch, thương mại, sưu tập, trưng bày,...): Các cơ sở nuôi trồng loài nguy cấp, quý, hiếm đều nuôi nhằm mục đích thương mại, riêng Công ty cổ phần đầu tư và phát triển vườn thú Faros là hoạt động với mục đích làm vườn thú phục vụ du lịch.

1.4. Áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo quản, lưu giữ,..

1.5. Việc tuân thủ các quy trình an toàn lao động, quy trình phòng cháy, chữa cháy..., quy trình xử lý các tình huống khẩn cấp (các giải pháp ứng phó rủi ro, sự cố như: động vật sống chuồng, thực vật bị phát tán ra ngoài, cháy, nổ, dịch, bệnh, xâm hại đối với con người...)

1.6. Tình hình kiểm tra, kiểm kê, giám sát hoạt động của các lực lượng chức năng quản lý như Sở Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn (Chi cục kiểm lâm, Chi cục thủy sản, Chi cục thú y,...), Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường),

1.7. Nguồn nhân lực của các cơ sở (cán bộ chuyên môn, bác sỹ thú y,...)

1.8. Nguồn lực tài chính chủ yếu (ngân sách nhà nước, hỗ trợ từ các dự án quốc tế, buôn bán nguồn giống, trao đổi, thương mại,....

2. Đánh giá công tác quản lý các loại hình cơ sở nuôi, trồng loài hoang dã trên địa bàn tỉnh

a) Thuận lợi

Thời gian qua, công tác quản lý động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh đã nhận được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cùng với sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, hộ gia đình đăng ký gây nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài động vật hoang dã, góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho nhiều hộ gia đình, giảm áp lực săn bắt các loài động vật hoang dã trong tự nhiên, đặc biệt là động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

b) Khó khăn

Các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Bình Định chủ yếu nuôi theo phương thức nhỏ lẻ, không ổn định, hiệu quả kinh tế chưa cao, đời sống người dân còn khó khăn nên không có đủ điều kiện để thực hiện

việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các loài động vật gây nuôi theo quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Đề xuất:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn cụ thể trong việc xác nhận về đảm bảo điều kiện vệ sinh, môi trường trong gây nuôi động vật rừng cho cá nhân, hộ gia đình và trang trại quy mô nhỏ để giảm bớt khó khăn, chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân, hộ gia đình phát triển gây nuôi động vật rừng.

II. THỐNG KÊ LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ TẠI CÁC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
A	Thị xã An Nhơn					172				
I.	Nhơn Hưng					55				
1	Nguyễn Thông			A		55			Giấy chứng nhận số 453/GCN-CCKL ngày 13/6/2019	
		Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>		NĐ 06	50	Gây nuôi	Thương mại trong nước		

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
		Kỳ Đà	<i>Varanus spp</i>		NĐ 06	5	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
II	Nhơn Hậu					117				
1	Lương Sơn Đài			A		117			Giấy chứng nhận số 408/GCN-CCKL ngày 30/5/2019	
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	86	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
		Cây vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>		NĐ 06	31	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
B	Huyện An Lão					35				
I	An Hòa					35				
1	Nguyễn Văn Mười			A		11				

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
		Nai	<i>Cervus unicolor</i>		NĐ 06	11	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
2	Đặng Văn Triệu			A		24			Giấy chứng nhận số 570/GCN-CCKL ngày 18/7/2019	
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	24	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
C	Hoài Ân					49				
I	Ân Nghĩa			A		28				
1	Dương Văn Thuận					15				
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	15	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
2	Nguyễn Văn Cường			A		8				
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	8	Gây nuôi	Thương mại trong		

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
								nước		
3	Lê Thành Long			A		3				
		Nai	<i>Cervus unicolor</i>		NĐ 06	3	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
4	Nguyễn Văn Giang			A		2				
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	2	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
II	Ân Sơn					5				
1	Phan Trung Hậu			A		5				
		Nai	<i>Cervus unicolor</i>		NĐ 06	5	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
III	Ân Hảo Đông					8				

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
1	Nguyễn Hồng Văn			A		8			Giấy chứng nhận số 495/GCN-CCKL ngày 25/6/2019	
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		ND 06	8	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
IV	Ân Tường Tây					8				
1	Sử Hữu Trí			A		8			Giấy chứng nhận số 496/GCN-CCKL ngày 25/6/2019	
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		ND 06	8	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
D	Huyện Hoài Nhơn					219				
I	Hoài Châu Bắc					12				
1	Nguyễn Thị Hậu			A		12				

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
		Cây Hương	<i>Viverricula indica</i>		NĐ 06	12	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
II.	Hoài Tân					140				
1	Nguyễn Văn Châu			A		134				
		Kỳ đà vân	<i>Varanus bengalensis</i>		NĐ 06	15	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
		Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>		NĐ 06	30	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
		Rùa tạp (hộp) lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i>		NĐ 06	25	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
		Cây vôi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	56	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
		Cây Vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>		NĐ 06	8	Gây nuôi	Thương mại trong nước		

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
								nước		
2	Hồ Nhất Cẩn			A		6				
		Nai	<i>Cervus unicolor</i>		NĐ 06	6	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
III	Hoài Xuân					2				
1	Trần Văn Đồi			A		2				
		Nai	<i>Cervus unicolor</i>		NĐ 06	2	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
IV	Hoài Đức					32				
1	Lê Nguyễn Nhân			A		32				
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	22	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
		Cây vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>		NĐ 06	10	Gây nuôi	Thương mại trong nước		

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
V	Hoài Hào					8				
1	Đặng Đình Ánh			A		8				
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	8	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
VI	Hoài Sơn					17				
1	Trần Văn Lên			A		4				
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	4	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
2	Nguyễn Tấn Tài			A	•	13			Giấy chứng nhận số 734/GCN-CCKL ngày 10/9/2019	
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	13	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
VII	Tam Quan Nam					8				

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
1	Nguyễn Trọng Sơn			A		8			Giấy chứng nhận số 736/GCN-CCKL ngày 10/9/2019	
		Cây vôi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	8	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
E	Huyện Phù Cát					151				
I.	Xã Cát Nhơn					20				
1	Đoàn Quốc Việt			A		20				
		Rắn hổ trâu	<i>Ptyas Muscosus</i>		NĐ 06	18	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
		Rắn hổ mang thường	<i>Naja naja</i>		NĐ 06	2	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
II.	Xã Cát Tường					33				

TT	Họ tên và địa chỉ của cơ sở	Tên loài nuôi/trồng		Thuộc loại hình(1)	Loài thuộc Danh mục(2)	Số lượng cá thể /nguồn gen lưu giữ	Nguồn gốc (3)	Mục đích sử dụng (4)	Thời gian cơ sở được cấp phép gần nhất/Đơn vị cấp phép	Ghi chú
		Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
1	Lê Công Hải			A		33			Giấy chứng nhận số 630/GCN-CCKL ngày 18/7/2019	
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	30	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
		Cây vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>		NĐ 06	3	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
III	Cát Trinh					40				
1	Huỳnh Thế Thị Lệ Hằng			A		40			Giấy chứng nhận số 549/GCN-CCKL ngày 12/7/2019	
		Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>		NĐ 06	40	Gây nuôi	Thương mại trong nước		
IV	Cát Hiệp					26				